TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HC -ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2023
V/v hủy Quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm;
Ông Nguyễn Bá Điền.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Vân -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Phúc Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HC ngày 13/10/2022 về việc "Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HC ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Quang T, sinh năm 1956; ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện B, thành phố N.

Người bị kiện: UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy A – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Kiều A – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Mạnh T – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã K. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ – Chức vụ: Công chức địa chính – Xây dựng UBND xã K

2. Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm 1994 và ông Đỗ Xuân M, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu Phú Đặng, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Là con của ông Đỗ Văn Đ). Hiện ở: Vòng xuyến T, khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Ông Vũ M T, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1976 (Là vợ); địa chỉ: Khu Phố, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Bà Loan ủy quyền cho ông Tân theo giấy ủy quyền lập ngày 12/12/2022).

(Ông T, bà An có mặt; ông Định có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Định có mặt ngày 27/02/2023; ông Anh, ông M, ông Tân vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Trần Quang T trình bày: Trước đây ông là công nhân Đoàn địa chất 303 T Phú Thọ, đến năm 1993 do yêu cầu nhiệm vụ Đoàn địa chất 303 chuyển sang B, N. Trong quá trình làm việc tại T ngày 10/01/1991 ông được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 484205 đối với thửa đất số 8+13, tờ bản đồ số 10, diện tích 1020 m^2 (Trong đó có 400 m^2 đất ở, 620 m^2 đất kinh tế gia đình) tại xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do hoàn cảnh gia đình neo đơn không có người trông nom, sẵn có mối quan hệ bạn bè với ông Đ (Ông Đ làm thuê cho Đoàn địa chất 303, xúc quặng ngoài giờ) nên ông đã nhờ ông Đ trông coi hộ toàn bộ diện tích đất trên, trên đất có hai gian nhà gỗ Chôm Rông, ông cho ông Đ thu hoạch toàn bộ hoa màu trên đất như vườn chè, cây ăn quả, ao cá. Hiện nay hai gian nhà này lâu ngày đã tự mục nát nay không còn, cây ăn quả không còn, ao cá đã bị lấp. Việc nhờ ông Đ trông coi thì hai bên chỉ nhờ nhau bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì. Sau khi nhờ ông Đ trông coi thì hàng năm ông vẫn qua lại thăm vườn, nhưng không hề biết ông Đ đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của ông.

Đến năm 1999 ông chuyển công tác lên đoàn địa chất 304 đóng tại Bát Xát, Lào Cai. Do phương tiện đi lại khó khăn nên ông ít về, đến năm 2004 ông có nhận được tin qua anh em đi công tác là ông Đ đã chuyển đi nơi khác không ở trên diện tích đất mà tôi nhờ trông coi nữa.

Khoảng tháng 9 năm 2021 ông có về UBND xã K để xin làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, xong do vào thời điểm cuối năm xã bận nhiều việc chưa làm được. Đầu năm 2022 ông lại quay về làm thủ tục cấp đổi. Trong quá trình làm thì ông được UBND xã thông báo diện tích đất của ông đã được UBND huyện T cấp cho ông Đỗ Văn Đ. Sau đó Phòng tài nguyên và môi trường – UBND huyện T đã có buổi làm việc với UBND xã K, với ông và con trai ông Đ (Là ông A, ông M). Sau đó UBND xã thông báo cho ông biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản gốc) mang tên ông Đỗ Văn Đ hiện nay do ông Tân bà Loan ở Khu Phố, thị trấn T hiện đang giữ. Lý do ông bà Tân Loan giữ bìa đỏ gốc là do ông Đ đã cắm bìa đỏ để vay tiền.

Ngày 18/01/2022 ông đã có văn bản thỏa thuận với ông Đỗ Tuấn A, ông Đỗ Xuân M (Là con trai ông Đỗ Văn Đ). Cụ thể là ông A, ông M đã viết giấy trao trả lại tài sản là toàn bộ diện tích đất của ông (Hiện diện tích đất này đứng tên ông Đ) cho ông, ông cũng đã hỗ trợ cho gia đình số tiền trông coi hộ tài sản là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), ông A, ông M đã nhận tiền.

Hiện nay theo ông được biết thì thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21, diện tích 816 m^2 đất ở và thửa số 13, tờ bản đồ số 21, diện tích 350 m^2 đất ao(Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ) chính là diện tích đất của ông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 484205 do UBND huyện T cấp ngày 10/01/1991.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Văn Đ, do UBND huyện T cấp ngày 21/9/1996 đối với hai thửa đất nêu trên (Thửa số 8, tờ bản đồ số 21, diện tích 816 m^2 đất ở và thửa số 13, tờ bản đồ số 21, diện tích 350 m^2 đất ao).

Người bị kiện Uỷ ban nhân dân huyện T trình bày:

Theo hồ sơ địa chính lưu tại UBND huyện thể hiện:

Ông Đỗ Văn Đ được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I391700, cấp ngày 21/9/1996 (Trong đó có thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21, diện tích 816 m^2, loại đất "T", thời hạn sử dụng lâu dài và thửa số 13, tờ bản đồ số 21, diện tích 350m^2 loại đất ao, thời hạn sử dụng lâu dài).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Quang T, cấp ngày 10/01/1991, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 14, thửa đất 8+13, tờ bản đồ số 10, diện tích 1020m^2 (Trong đó có 400m^2 đất ở, 620m^2 đất kinh tế gia đình, thời hạn sử dụng lâu dài, tại xã K). Qua kiểm tra kho lưu trữ hiện nay không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của ông Trần Quang T nên không có căn cứ để xác định diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Đ và ông Trần Quang T có chồng lấn hay không. Đề nghị Tòa án tổ chức kiểm tra, đo đạc tại thực địa để xác định diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Đ có trùng hay không trùng vào diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quang T.

Ngày 11/01/2023 UBND huyện T có bản tự khai bổ sung như sau: Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tổ chức kiểm tra đo đạc theo ranh giới, mốc giới do ông Trần Quang T xác định tại thực địa đối với thửa đất số 8+13, tờ bản đồ số 10 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991 của ông Trần Quang T) cho thấy thửa đất trên có ranh giới rõ ràng được các chủ sử dụng đất liền kề xác nhận có diện tích 1.417,1m^2. Vị trí này trùng với thửa đất số 8 và thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Đ năm 1996 (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2016 là thửa số 268, tờ bản đồ số 9). Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2023 UBND huyện T có bản tự khai bổ sung như sau: Do không có căn cứ để xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Quang Tuý là thật hay giả nên đề nghị Toà án thực hiện trưng cầu giám định để xác định, UBND huyện T sẽ cung cấp các tài liệu càn thiết để phục vụ công tác giám định.

Theo kết quả đo đạc thực địa ngày 27/12/2022 diện tích đất của ông Trần Quang T là 1417,1 m² tăng 397,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 184205,số vào sổ: 14/QSDĐ, cấp ngày 10/1/1991. Nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích là do năm 1991 sử dụng phương pháp thủ công để xác định diện tích; Thửa đất ông T xác định tại thực địa có mốc giới rõ ràng, ổn định được các hộ giáp ranh thống nhất nên diện tích chênh lệch nêu trên vẫn nằm trong diện tích trước đây ông T sử dụng và đủ điều kiện thực hiện trình tự đăng ký cấp giấy chứng nhận theo quy định

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân xã K trình bày:*

Ông Trần Quang T là công nhân xí nghiệp 303 có hoạt động tại xã K, ông được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất số Seri A 484205, số vào sổ cấp giấy: 14, ngày cấp: 10/01/1991. Cụ thể thửa đất số: 8+13, Tờ bản đồ số 10, diện

tích 1020 m^2 (Trong đó: Đất ở: 400 m^2; Đất kinh tế gia đình 620 m^2). Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ông Đỗ Văn Đ (Đã mất) được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri I 391700, số vào sổ cấp giấy: 507, ngày cấp: 21/9/1996. Trong giấy chứng nhận có thửa đất số 8, tờ bản đồ 21, diện tích 816 m2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350 m^2 đất Ao. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vị trí thửa đất này trùng với thửa đất đã cấp cho ông T năm 1991. Về việc này ông T có báo cáo là năm 1993 đoàn Địa chất 303 có chuyển trụ sở sang B, N nên ông phải chuyển công tác; dựa trên mối quan hệ quen biết ông có cho ông Đỗ Văn Đ trông coi giúp đất và tài sản trên đất. Đến năm 1996 thực hiện theo dự án tổng thể trên địa bàn xã K ông Đ đã kê khai đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận mang tên ông Đỗ Văn Đ phù hợp với Sổ địa chính và bản đồ 299 do Uỷ ban nhân dân xã quản lý. Đến năm 2009, ông Đ có giấy viết tay chuyển nhượng giấy chứng nhận cấp năm 1996 cho ông Vũ M T và bà Lê Thị Hồng L, thường trú ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay giấy chứng nhận cấp năm 1996 do gia đình ông Vũ M T và bà Lê Thị Hồng L nắm giữ. Ngày 15/4/2022, tại buổi làm việc với Phòng tài nguyên môi trường huyện T và Uỷ ban nhân dân xã K, ông Đỗ Tuấn A (con đẻ ông Đỗ Văn Đ) có ý kiến cũng không biết gì về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Văn Đ và cũng không biết việc mượn đất giữa ông Đ và ông T. Hiện nay bố mẹ đều đã chết nhưng không để lại di chúc hay thông báo gì về giấy chứng nhận mang tên ông Đỗ Văn Đ. Sau đó ngày 14/6/2022 và ngày 29/6/2022, Uỷ ban nhân dân xã K đã hai lần mời 2 người con đẻ của ông Đ là ông Đỗ Tuấn A và ông Đỗ Xuân M, thường trú ở khu Phú Đặng, xã K lên để làm việc (vợ chồng ông Đ hiện nay đều đã mất); tuy nhiên hai lần 2 người con ông Đ đều không có mặt.

Với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quan điểm của Uỷ ban nhân dân xã K là đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Việc ông Đ có bán thửa đất trên cho ông bà Tân Loan có giấy tờ viết tay của ông Đ nhưng chưa được công chứng, chứng thực và thực hiện đăng ký biến động theo quy định. Việc chuyển nhượng đất giữa ông Đ và ông bà Tân Loan thì gia đình ông Đình phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã nhận của ông bà Tân Loan. Vì việc chuyển nhượng này là không hợp pháp.

Ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tuấn A và ông Đỗ Xuân M trình bày tại bản tự khai (BL 60)*: Hai ông là con của ông Đỗ Văn Đ (sinh năm 1970, mất năm 2014) và bà Nguyễn Thị Dự (mất năm 2006). Nguồn gốc quyền sử dụng đất đứng tên bố ông là của Đoàn địa chất 303, khu P, xã K, huyện T. Thời điểm bố ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông được 02 tuổi. Việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố ông là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do vậy ông không đồng ý với việc ông Trần Quang T đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố ông là ông Đỗ Văn Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ M T trình bày*: Ngày 09/10/2009 ông có mua thửa đất của ông Đỗ Văn Đ, diện tích 2.300 m^2 (Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số I391700, do UBND huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 507). Ông mua toàn bộ diện tích 2.300 m^2 và diện tích đất này cùng ở 1 vị trí. Số tiền mua là 7.000.000 đồng đã thanh toán đủ cho bên bán là ông Đ. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở do ông Đ viết và mang đến cho ông vào ngày 05/10/2009, còn số tiền 7.000.000 đồng ông Đ đã nhận từ ông vào ngày 04/10/2009. Giấy chuyển nhượng đất bản gốc hiện nay ông đang giữ có chữ ký của người bán là ông Đ, không có chữ ký của ông và cũng không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 05/10/2009 ông Đ đã giao bìa đỏ gốc cùng giấy chuyển nhượng viết tay cho ông. Sau khi nhận được bìa đỏ ông vẫn giữ từ đó cho đến nay, không làm thủ tục sang tên hay mua bán chuyển nhượng cho bất kỳ ai.Nay đối với nội dung khởi kiện của ông T, ông đề nghị Tòa án xác định xem bìa của ông T và ông Đ thì bìa nào là thật bìa nào là giả, bìa nào có hiệu lực, bìa nào không có hiệu lực. Nếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ chuyển nhượng cho ông không có hiệu lực ông sẵn sàng mất toàn bộ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền mua bán đất và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên toà ông Trần Quang T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang T. Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ (Trong đó có thửa đất số 8, diện tích 816m^2, tờ bản đồ số 21, đất ở và thửa đất số 13, diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 21, đất ao**)**. Ông T cho rằng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do vậy, Quyết định trên là Quyết định hành chính bị khiếu kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo lời khai của ông T tháng 9/2021 ông về Uỷ ban nhân dân xã K để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, xong do vào thời điểm cuối năm xã bận nhiều việc chưa làm được. Đầu năm 2022 ông lại quay về làm thủ tục cấp đổi. Trong quá trình làm thì ông được Uỷ ban nhân dân xã thông báo diện tích đất của ông đã được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận cho ông Đỗ Văn Đ số Seri I 391700, số vào sổ cấp giấy: 507, ngày cấp: 21/9/1996. Trong giấy chứng nhận có thửa đất số 8, Tờ bản đồ 21, diện tích 816m^2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350 m^2 đất Ao. Ngày 15/7/2022 ông làm đơn khởi kiện. Ngày 13/10/2022 Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 15/2022/TLST – HC ngày 13/10/2022. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện của ông Tuý còn thời hiệu khởi kiện.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tuấn A, ông Đỗ Xuân M, ông Vũ M T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng hành chính, Toà án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2].*Về nội dung*: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Ông Trần Quang Tuý công tác tại Đoàn địa chất 303 T Phú Thọ.Quá trình làm việc tại T ông được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 484205 ngày 10/01/1991 đối với thửa đất số 8+13, tờ bản đồ số 10, diện tích 1020m^2 (Trong đó có 400m^2 đất ở, 620m^2 đất kinh tế gia đình) tại xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do hoàn cảnh gia đình không có người trông nom, sẵn có mối quan hệ bạn bè với ông Đ nên ông đã nhờ ông Đ trông coi hộ toàn bộ diện tích đất trên, trên đất có hai gian nhà gỗ Chôm Rông, cho ông Đ thu hoạch toàn bộ hoa màu trên đất (vườn chè, cây ăn quả, ao cá). Việc nhờ ông Đình trông coi thì hai bên chỉ nhờ nhau bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì. Sau khi nhờ ông Đ trông coi thì hàng năm ông vẫn qua lại thăm vườn, nhưng không hề biết ông Đ đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của ông. Đến năm 1999 ông chuyển công tác lên đoàn địa chất 304 đóng tại Bát Xát, Lào Cai. Do đi lại khó khăn nên ông ít về, đến năm 2004 ông có nhận được tin là ông Đ đã chuyển đi nơi khác không ở trên diện tích đất mà ông nhờ trông coi nữa. Năm 2021 khi ông về Uỷ ban nhân dân xã K làm thủ tục kê khai cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông mới được Uỷ ban nhân dân xã thông báo thửa đất của ông đã được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp cho ông Đỗ Văn Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ (Trong đó có thửa đất số 8, diện tích 816m^2, tờ bản đồ số 21, đất ở và thửa đất số 13, diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 21, đất ao). Quá trình tố tụng và các lời khai của người bị kiện, người liên quan đều thể hiện trước đây ông Tuý đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất số Seri A 484205, số vào sổ cấp giấy: 14, ngày cấp: 10/01/1991. Cụ thể thửa đất số: 8+13, Tờ bản đồ số 10, diện tích 1020 m^2 (Trong đó: Đất ở: 400 m^2; Đất kinh tế gia đình 620m^2). Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau

đó năm 1996 ông Đỗ Văn Đ cũng được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri I 391700, số vào sổ cấp giấy: 507, ngày cấp: 21/9/1996 giấy chứng nhận có thửa đất số 8, tờ bản đồ 21, diện tích 816m^2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350m^2 đất Ao; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên toà ngày 27/02/2022 người khởi kiện, người bị kiện đều đề nghị Toà án thực hiện trưng cầu giám định đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Quang Tuý để xác định bìa thật hay giả. Sau khi tạm ngừng phiên toà, Toà án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A484205 ngày 10/01/1991 do Uỷ ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông Trần Quang Tuý tại thửa đất số: 8+13, tờ bản đồ số 10, diện tích 1020 m^2; địa chỉ tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Kết quả giám định số 375/KL – KTHS ngày 14/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

"1. Các lớp in trên "giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số A484205 (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với các lớp in tương ứng trên "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" A 513930 (mẫu so sánh ký hiệu M1) **là do cùng một phương pháp in ra**.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung " Uỷ ban nhân dân huyện T. T. Vĩnh Phú" dưới mục "Chủ tịch UBND huyện" trên "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số A484205 (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1,M2,M3,M4,M5,M6) **là do cùng một con dấu đóng ra.**

3.Chữ ký đứng tên Hà Lê Bình dưới mục "Chủ tịch UBND huyện" trên "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số A484205 (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Hà Lê Bình trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1,M2,M3,M4,M5,M6) **là do cùng một người ký ra.**

Mặt khác, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện (tại BL số 61, 62) vào ngày 18/01/2022 anh Đỗ Tuấn A và anh Đỗ Xuân M là hai người con ruột của ông ĐỗVăn Đ và mẹ là Nguyễn Thị Dự (đều đã chết) có giấy trao trả tài sản là diện tích đất 1020m^2 cho ông Nguyễn Quang Tuý và giấy biên nhận tiền với số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là tiền công trông coi tài sản là đất ở và đất vườn.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trong quá trình tố tụng các cơ quan có thẩm quyền là Uỷ ban nhân dân xã, Uỷ ban nhân dân huyện T đều thừa nhận thửa đất 8+13 tờ bản đồ số 10, diện tích 1020m^2 (trong đó: đất ở 400m^2, đất kinh kế gia đình 620m^2) đã cấp cho ông Trần Quang Tuý có trồng lấn vào thửa đất số 8, tờ bản đồ 21, diện tích 816m^2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350 m^2 đất Ao; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho ông Đỗ Văn Đ. Như vậy, Uỷ ban nhân dân huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quang Tuý thửa đất 8+13 tờ bản đồ số 10, diện tích 1020m^2 trùng khớp vào thửa đất số số 8, tờ bản đồ 21, diện tích 816m^2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350m^2 đất Ao đứng tên ông Đỗ Văn Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số Seri I 391700, số vào sổ cấp giấy: 507, ngày cấp: 21/9/1996.

[3]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ hiện nay ông Tân, bà Loan đang giữ. Trong quá trình tố tụng ông Tân có khai nhận vào ngày 05/10/2009 ông Đ viết 01 giấy chuyển nhượng đất ở, trên giấy chuyển nhượng có thể hiện "*... tôi có mảnh đất ở P – K – T – Phú Thọ. Bìa đỏ số 507 diện tích 2.300m^2... Nay không có nhu cầu sử dụng nữa nên bán cho ông Vũ M T ở La Phù – Thanh Thuỷ. Tôi đã nhận đủ số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)...*" Giấy chuyển nhượng này chỉ có chữ ký của ông Đ là người bán, không có chữ ký của ông Tân là người mua, không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; không có số thửa, tờ bản đồ nào, loại đất gì. Đối với nội dung này Hội đồng xét xử không xem xét, nếu đủ căn cứ ông Vũ M T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ và thực hiện các thủ tục cấp đổi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ 21, diện tích 816m^2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350m^2 đất Ao; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho ông Trần Quang Tuý (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri A 484205 đã cấp ngày 10/01/1991). Cấp đổi các thửa đất còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ theo quy định.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2022 tại thửa đất số 8+13 tờ bản đồ số 10 (Bản đồ 299) nay là thửa đất số 268 tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 2016) có tổng diện tích là 1417,1m^2 (*có bản trích đo kèm theo của Công ty đo đạc Anh Thư thực hiện*); trên đất không có tài sản, cây cối trên đất.

Theo kết quả đo đạc thực địa ngày 27/12/2022 diện tích đất của ông Trần Quang T là 1417,1 m² tăng 397,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 184205,số vào sổ: 14/QSDĐ, cấp ngày 10/1/1991. Nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích là do năm 1991 sử dụng phương pháp thủ công để xác định diện tích; Thửa đất ông T xác định tại thực địa có mốc giới rõ ràng, ổn định được các hộ giáp ranh thống nhất nên diện tích chênh lệch nêu trên vẫn nằm trong diện tích trước đây ông T sử dụng và đủ điều kiện thực hiện trình tự đăng ký cấp giấy chứng nhận theo quy định

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ (Trong đó có thửa đất số 8, diện tích 816m^2, tờ bản đồ số 21, đất ở và thửa đất số 13, diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 21, đất ao).

[3].Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và chi phí giám định: Ông Trần Quang Tuý đã nộp chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ 8.000.000đ (tám triệu đồng); chi phí giám định 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng cộng là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Xác nhận ông Trần Quang Tuý đã nộp đủ số tiền 11.000.000đ đã được quyết toán xong, ông Tuý nhất trí không có ý kiến gì, ông

Tuý xin tự nguyện chịu toàn bộ khoản tiền đo đạc, thẩm định tại chỗ và chi phí giám định và không thắc mắc khiếu nại gì.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4].Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Tuý được chấp nhận nên ông Tuý không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Uỷ ban nhân dân huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 193, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 163, khoản 2 Điều164, Điều 166, Điều 185 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang T.

Tuyên Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ (Trong đó có thửa đất số 8, diện tích 816m^2, tờ bản đồ số 21, đất ở và thửa đất số 13, diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 21, đất ao).

Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ và thực hiện các thủ tục cấp đổi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ 21, diện tích 816m^2 đất ở và thửa đất số 13, tờ bản đồ 21, diện tích 350m^2 đất Ao; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất tại khu P, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho ông Trần Quang T (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri A 484205 đã cấp ngày 10/01/1991). Cấp đổi các thửa đất còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 391700 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/9/1996 đứng tên ông Đỗ Văn Đ theo quy định.

[2].Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và chi phí giám định: Ông Trần Quang T đã nộp chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ 8.000.000đ (tám triệu đồng); chi phí giám định 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng cộng là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Xác nhận ông Trần Quang T đã nộp đủ số tiền 11.000.000đ. Ông T xin tự nguyện chịu toàn bộ khoản tiền đo đạc, thẩm định tại chỗ và chi phí giám định và không thắc mắc khiếu nại gì.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Uỷ ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo tính từ ngày

nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại N xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ.
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Huyền